TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS - ST
Ngày: 11 – 9 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Qúy

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Ngọc Long, ông Phan Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tường Vy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa: bà Hồ Thiên Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐDS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng T2**

Trụ sở chính: Tòa nhà C, A T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Hồ Nam T – chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T1 – Giám đốc Phòng G và ông Đặng Bảo H – Chuyên viên khách hàng Phòng G (theo Quyết định ủy v.v ủy quyền tham gia tố tụng số 488/2023/QĐ-LPB.QTR ngày 26/4/2023).

- Bị đơn: ông **Phan Lâm C**, sinh năm 1987 **và bà Trần Thị D**, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/4/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T2) có chi nhánh Q Phòng G ký Hợp đồng tín dụng số HĐTD

52D2021146 với ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D, theo đó ông C, bà D vay Ngân hàng T2 số tiền: 100.000.000 đồng; thời hạn 48 tháng; lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm; tiền lãi vay được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian vay thực tế; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Do ông C, bà D không trả được nợ đến hạn nên Ngân hàng T2 đã chuyển khoản vay của ông C, bà D sang nợ quá hạn từ ngày 27/01/2023. Tính đến ngày 11/9/2023, ông C, bà D còn nợ Ngân hàng T2 số tiền theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD 52D2021146 với số tiền: : 62.129.363 đồng, trong đó nợ gốc 55.199.995 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.967.123 đồng; tiền lãi quá hạn: 962.245 đồng.

Ngày 08/07/2021, bà Trần Thị D ký với Ngân hàng T2 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế JCB, hạng chuẩn. Hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi cấp thẻ tín dụng, từ ngày 10/07/2021 đến 14/12/2021, bà Trần Thị D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.421.208 đồng. Do bà D vi phạm hợp đồng, ngày 15/12/2021 Ngân hàng T2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của bà D còn thiếu sang nợ quá hạn, với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 11/09/2023, bà Trần Thị D còn nợ Ngân hàng T2, cụ thể các khoản như sau: Nợ gốc: 9.421.208 đồng; Phí chậm thanh toán: 282.000 đồng (3% số tiền chậm thanh toán); Phí thường niên: 218.000 đồng (199.000đ x 10% thuế); Phí rút tiền mặt: 414.535 đồng (4% giá trị số tiền giao dịch); Phí vượt hạn mức: 184.099 đồng (3% số tiền vượt hạn mức); Lãi trong hạn (tính từ ngày 10/07/2021 đến 14/12/2021) với lãi suất 2.4%/tháng: (9.421.208 đồng x 2.4%/tháng x 155 ngày)/30 = 1.168.230 đồng; Lãi quá hạn (tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 11/09/2023): 9.421.208 đồng x 2.4%x150%x 710 ngày/30 = 8.026.869 đồng; Lãi trong hạn bị chậm trả: (1.168.230 đồng x 0.83% x 710 ngày)/30 = 229.479 đồng. Tổng cộng: 19.944.420 đồng. Ngân hàng T2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T2 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD 52D2021146 tính đến 11/9/2023 với số tiền: **62.129.363** đồng.

- Buộc bà Trần Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T2 theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/7/2021, với số tiền tính đến ngày 11/09/2023 là: **19.944.420 đồng.**

Bị đơn ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D cả quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến vì không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn

không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm của Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 428, 463, 466 Bộ luật dân sự; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N ngày 30/12/2016 Quy định hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3,4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Đề xuất:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T2 buộc bà Trần Thị D và ông Phan Lâm C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng T2 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD52D2021146 ký ngày 19/04/2021 với tổng số tiền tính đến ngày 11/9/2023 là: 62.129.363 đồng, trong đó nợ gốc 55.199.995 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.967.123 đồng; tiền lãi quá hạn: 962.245 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T2 buộc bà Trần Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng T2 theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế với Trần Thị D ngày 08/07/2021 với số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2023 là: 19.944.420 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Trần Thị D và ông Phan Lâm C phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD52D2021146 ký ngày 19/04/2021 và bà Trần Thị D phải chịu lãi suất quá hạn theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/07/2021 với Ngân hàng T2 cho đến khi tất toán khoản vay

4. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T2 khởi kiện ông Phan Lâm C, bà Trần Thị D yêu cầu trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Bị đơn trước khi bỏ đi khỏi địa phương có nơi cư trú tại xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị nên theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phan Lâm C, bà Trần Thị D.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số HĐTD 52D2021146 được ký kết giữa Ngân hàng T2 với bị đơn ông Phan Lâm C, bà Trần Thị D; Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết với bà Trần Thị D đều thực hiện trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung đúng quy định của pháp luật nên có căn cứ khẳng định Hợp đồng tín dụng số HĐTD 52D2021146 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là hợp pháp và có hiệu lực, do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền gốc mà ông C, bà D còn nợ.

[2.2] Về tiền lãi và các loại phí : Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội, Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư 06/2023/TT – N1 sửa đổi bổ sung Thông từ 39/2016 của Ngân hàng N quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; trường hợp nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng đúng Biểu phí thẻ tín dụng do Ngân hàng T2 ban hành. Xét thấy việc tính lãi trong hạn và quá hạn và các loại phí của ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, từ các căn cứ trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T2 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD 52D2021146 tính đến 11/9/2023 với số tiền: 62.129.363 đồng. Buộc bà Trần Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T2 theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 08/7/2021, với số tiền tính đến ngày 11/09/2023 là: 19.944.420 đồng. Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội 14, bị đơn ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D chịu án phí, cụ thể: 62.129.363 đồng x 5% = 3.106.468 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị D phải chịu: 19.944.420 đồng x 5% = 997.221 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 91, 95 của Luật tổ chức các tổ chức tín dụng, Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội 14, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2, buộc ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng HĐTD 52D2021146 là:

62.129.363 đồng, trong đó nợ gốc 55.199.995 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.967.123 đồng; tiền lãi quá hạn: 962.245 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T2, buộc bà Trần Thị D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: 19.944.420 đồng, trong đó tiền gốc: 9.421.208 đồng, còn lại là tiền lãi, phí.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng HĐTD 52D2021146 và Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phan Lâm C và bà Trần Thị D phải chịu 3.106.468 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Trần Thị D chịu 997.221 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng T2 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.964.052 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000287 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Dán án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAM LỘ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10a/2023/QĐ-SCBSBA	Cam Lộ, ngày 30 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn trong bản án số 10/2023/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng T2**

Trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: ông **Phan Lâm C** sinh năm 1987 và bà **Trần Thị D**, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn B, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 10/2023/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị như sau:

Tại các dòng thứ 14 từ dưới lên trang 01 của Bản án sơ thẩm đã ghi:

"... Ngân hàng T2"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"... Ngân hàng Thương mại cổ phần T2"

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ.